

SỞ Y TẾ THANH HÓA
BỆNH VIỆN PHỤ SẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 559/BG-BVPS

Thanh Hóa, ngày 02 tháng 07 năm 2023

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Phụ sản Thanh Hóa có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: Mua vật tư tiêu hao, hóa chất xét nghiệm theo máy, sinh phẩm chẩn đoán tại Bệnh viện Phụ sản Thanh Hóa năm 2023; với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Phụ sản Thanh Hóa
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:
 - Họ tên: Đỗ Ngọc Hiệp
 - Chức vụ: Trưởng phòng Vật tư – Thiết bị y tế
 - Số điện thoại: 0914.995.781
 - Email: hieptbyt@gmail.com
- Cách thức tiếp nhận báo giá:
 - Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Bệnh viện Phụ sản Thanh Hóa – 183 Hải Thượng Lãn Ông – P. Quảng Thắng – TP. Thanh Hóa
 - Nhận qua Email: hieptbyt@gmail.com
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 14h ngày 02 tháng 07 năm 2023 đến trước 17h ngày 12 tháng 07 năm 2023
- Thời hạn hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 120 ngày, kể từ ngày 12 tháng 7 năm 2023

II. Nội dung yêu cầu báo giá

- Danh mục thiết bị y tế/linh kiện, phụ kiện, vật tư thay thế sử dụng cho trang thiết bị y tế (gọi chung là thiết bị):

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/Khối lượng	Đơn vị tính
1	Ống nội khí quản không bóng các số	Ống đặt nội khí quản không có bóng các số, làm bằng chất liệu nhựa PVC, có tia cản quang dọc thân ống. Sản phẩm được tiệt trùng.	200	Cái

2	Ống đặt nội khí quản có bóng	Ống đặt nội khí quản có bóng số 7.0, làm bằng chất liệu nhựa PVC, có tia cản quang dọc thân ống. Sản phẩm được tiệt trùng .	3.500	Cái
3	Bao cao su	Bao cao su thiên nhiên. Phun dầu bôi trơn silicon đảm bảo độ bôi trơn, được đóng trong màng nhôm kín.	70.000	Cái
4	Mặt nạ oxy các size	Mask Oxy thường: là loại mask không có van và bóng dự trữ. Loại mask này có thể cung cấp nồng độ oxy khí thở. Mask với dây đeo đàn hồi. Kẹp mũi điều chỉnh được. Mặt nạ cung ứng một nồng độ oxy cao với ống 2 m. Size S, M, L, XL	200	Cái
5	Bông tiêm cắt	Nguyên liệu: sợi bông cotton 100%, độ thấm hút cao, kích thước 2cm x 2cm. Đã tiệt trùng	200.000	Gram
6	Đầu côn vàng	Đầu côn vàng dung tích 200 ul, không có màng lọc, có khóa làm từ nhựa PP. Thiết kế ôm khít đầu cây pipet, thành trong không dính nước.	110.000	Cái
7	Đầu côn xanh	Đầu côn xanh dung tích 1000 ul, không có màng lọc, có khóa làm từ nhựa PP. Thiết kế ôm khít đầu cây pipet, thành trong không dính nước.	55.000	Cái
8	Giấy in siêu âm	+ Dung lượng: ≥ 215 bản in cho mỗi cuộn. + Kích thước 110 mm $\times$ 20 m Dùng được cho các dòng máy in của hãng Sony, Mistubishi	900	Cuộn
9	Băng chỉ thị nhiệt hấp ướt	Chỉ thị nhiệt 24mm x 55m có keo Acrylic và vạch mực chỉ thị hóa học. Vạch chỉ thị sẽ chuyển sang màu đen sau khi qua tiệt khuẩn	50	Cuộn
10	Lưỡi dao cắt tiêu bản	Dao cắt bệnh phẩm dùng 1 lần; chất liệu thép không gỉ; Kiểu dao lowprofile; Lưỡi dao sắc, mỏng và cứng; Độ ổn định của lưỡi dao cao, bền; Độ nghiêng lưỡi dao: 35°/ 80mm	350	Cái

11	Viên sát khuẩn	Viên sỏi khử khuẩn chứa Sodium Dichloroisocyanurate(NADCC) 50% (2,5g trên viên 5g)	400	Viên
12	Giấy điện tim 6 cần	Kích thước 110mm*140mm, dung lượng ≥ 143 tờ, có dòng kẻ, chất liệu bằng giấy in nhiệt. Tương thích với máy điện tim hãng Nihon Koden.	500	Tập
13	Ống dẫn lưu	Chất liệu bằng nhựa y tế trắng silicon mềm dẻo, Kích thước: 7mm bên trong x10mm bên ngoài, dài từ 350 mm đến 500mm. Tiệt trùng bằng khí EO	1.000	Cái
14	Giấy in dùng cho máy monitor sản khoa	Giấy siêu âm sản khoa 152mm*150mm, dung lượng ≥ 200 tờ, chất liệu bằng giấy in nhiệt.	500	Tập
15	Que lấy tế bào âm đạo	Chất liệu bằng gỗ, đã được tiệt trùng. Dùng lấy tế bào niêm mạc cổ tử cung.	3.000	Que
16	Nhiệt kế bệnh nhân	Được làm từ thủy tinh trong suốt. Bên trong có vạch chia độ và dải thủy ngân. Nhiệt độ đo được tối đa 35-42oC.	300	Cái
17	Ống nhỏ giọt	Dung tích 3 ml, dài ≥ 160 mm. Chất liệu nhựa y tế, có vạch chia định lượng. Tiệt trùng bằng khí EO.	1.000	Cái
18	Khóa ba chạc có dây nối	Khóa ba ngã gồm 2 đầu kết nối có nắp vặn khóa đóng mở được và khóa Luer - lock. Có dây nối dài 10 cm làm từ nhựa nguyên sinh trong suốt không chứa độc tố. Khóa không hở, thông tốt độ nhạy tốt để điều chỉnh. Tiệt trùng	1.000	Cái
19	Lọ chứa tinh trùng	Lọ nhựa vô trùng, có nắp, dung tích từ 120 ml đến 150 ml	2.000	Cái
20	Bộ gây tê ngoài màng cứng	Bộ gây tê ngoài màng cứng có đầy đủ kim, catheter, lọc, đầu dẫn, syringe. Kim đầu cong 18G dài từ 80mm-90 mm, thân kim có chia vạch. Catheter bằng polyamid/polyether /Polyurethane không bị gãy gập, dài từ 900mm	1.300	Bộ

		đến 1000 mm, có đường cản quang ngầm. Màng lọc với kích thước lỗ lọc 0.2 micron giúp tiêm thuốc an toàn và vô khuẩn. Có bơm tiêm giảm kháng lực đi kèm. Đạt tiêu chuẩn ISO.		
21	Bông mỡ	Bông mỡ 100% bông xơ thiên nhiên bông không hút nước, màu trắng ngà của bông xơ, Bông xốp, mềm, mịn.	5	Kg
22	Chỉ tiêu tổng hợp số 1	Chỉ tan đa sợi liên kim số 1, dài ≥ 90 cm, kim tròn 40mm, 1/2C. Kim phủ Silicon. Chất liệu Polyglycolic acid phủ calcium stearate. Tiêu hoàn toàn trong 60-90 ngày, sức căng còn lại 65-75% sau 14 ngày. Tiêu chuẩn ISO, CE.	28.032	Sợi
23	Bơm tiêm sử dụng một lần 1 ml	Bơm tiêm nhựa liên kim, dung tích 1ml, gioăng có núm. Thân kim: làm bằng thép không gỉ và không bị oxy hóa, Kim tiêm các cỡ. Vỏ bơm tiêm: Làm bằng nhựa y tế, không có chất gây sốt, độc tố, kim loại nặng, không chứa DEHP. Đóng gói vô trùng.	3.000	Cái
24	Kim luồn tĩnh mạch có cánh	Kim có cánh, được làm bằng chất liệu FEP. Có khả năng lưu kim tới 96 h. Có 3 vạch cản quang ở thân Catheter. Công nghệ không dùng keo. Có tấm xốp vi lọc cuối chuỗi kim ngăn máu trào ngược. Số 24 G x 3/4" (O.D: 0.74x 19 mm, 29 ml/ min). Có nắp khóa dạng xoáy để đóng tạm đầu kim luồn khi chưa lắp dây truyền	10.000	Cái
25	Catheter tĩnh mạch rốn	Catheter tĩnh mạch rốn cho trẻ sơ sinh dùng: Tĩnh mạch rốn: Nuôi dưỡng, truyền dịch, truyền thuốc. Lấy máu tĩnh mạch, truyền máu và các chế phẩm máu. Chất liệu PVC. Dài 37 cm. Cỡ Số 4. Tốc độ dòng truyền dịch > 16 ml/ phút.	100	Cái

26	Catheter tĩnh mạch rốn	Catheter tĩnh mạch rốn cho trẻ sơ sinh dùng: Tĩnh mạch rốn: Nuôi dưỡng, truyền dịch, truyền thuốc. Lấy máu tĩnh mạch, truyền máu và các chế phẩm máu. Chất liệu PVC. Dài 37 cm. Cỡ số 5 Tốc độ dòng truyền dịch > 31 ml/ phút	100	Cái
27	Chỉ lạnh	100% bằng sợi cotton. Chiều dài ≥ 360 m.	600	Cuộn
28	Máy đo huyết áp cơ	Khoảng đo: 20 -300 mmHg với điểm giá trị bắt đầu từ 0. Vòng bít làm bằng chất liệu vải có độ bền cao, hệ thống dây dẫn khí bằng cao su cao cấp chống oxy hóa. Tai nghe có độ khuếch đại lớn, nghe êm.	30	Cái
29	Bông gạc đắp vết thương 6cm x 20 cm	100% Bông xơ tự nhiên và vải không dệt; Tiệt trùng bằng khí EO. Quy cách: 1 cái/ gói	60.000	Cái
30	Test nhanh chẩn đoán viêm gan C	Phát hiện kháng thể đặc hiệu kháng HCV trong mẫu huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần người. Cộng hợp vàng: Keo vàng - Protein A; Vạch thử: Kháng nguyên tái tổ hợp HCV (kháng nguyên lõi NS3, NS4, NS5); Vạch chứng: Kháng thể kháng Immunoglobulin người từ dê. Độ nhạy: 100%, Độ đặc hiệu: 99,4%.	2.000	Test
31	Test nhanh chẩn đoán viêm gan C	Mẫu bệnh phẩm: Huyết thanh; Huyết tương Vùng cộng hợp: Kháng thể đơn dòng kháng IgG người, vạch kết quả: Kháng nguyên HCV-210, Vạch chứng: IgG người	3.000	Test
32	Thẻ xét nghiệm định nhóm máu	Xét nghiệm định tính nhóm máu ABO theo phương pháp huyết thanh mẫu. Phiến thử gồm 2 test nằm cạnh nhau, thuận tiện khi viết thông tin, không chạm vào hóa chất trên thẻ	1.200	Thẻ

33	* Máy xử lý tế bào (Thinprep 2000 – Hologic/Mỹ)			
33.1	Bộ kit xét nghiệm ung thư cổ tử cung	Kít bao gồm: 01 lọ dung dịch PreservCyt Solution: - Thành phần : Chứa 20ml Dung dịch đệm bảo quản có thành phần chính là methanol và một số chất khác như: Deionized Water; Disodium EDTA; acid Cholic và acid Acetic băng. - Tác dụng: Bảo quản tế bào trong vòng 6 tuần - Quy cách: Lọ 20ml - HSD: ≥ 24 tháng 01 màng lọc Gyn TransCyt: - Hình trụ, bằng nhựa, đường kính 2cm với một màng polycarbonate gắn ở cuối hình trụ - Tác dụng: Lọc bỏ phần lớn chất nhầy và hồng cầu. Lọc tế bào và dán các tế bào lên lam kính. - Quy cách: Khay 100 cái - HSD: ≥ 24 tháng 01 lam kính ThinPrep: - Làm bằng thủy tinh, tích điện dương - Tác dụng: giữ các tế bào bám dính trên bề mặt lam kính, tập trung được nhiều tế bào và dàn trải đều, không bị chồng tế bào. - Quy cách: Hộp 100 cái. 01 chổi lấy mẫu tế bào cổ tử cung: - Được làm bằng nhựa PE - Tác dụng: Dùng để lấy tế bào cổ tử cung - Quy cách: Túi 1 cái - HSD: ≥ 60 tháng	3.000	Bộ
34	* Máy phân tích định danh vi khuẩn và làm kháng sinh đồ (Vitek 2 – Biomérieux/Mỹ)			

34.1	Thẻ kháng sinh đồ vi khuẩn Gram âm	Thẻ thử nghiệm kháng sinh cho nhóm Trục khuẩn Gram âm., dùng cho máy Vitek II. Mỗi thẻ chứa các kháng sinh chọn lọc ở các nồng độ khác nhau, được sấy khô với môi trường nuôi cấy vi sinh	100	Thẻ
34.2	Thẻ kháng sinh đồ vi khuẩn Gram dương	Thẻ thử nghiệm kháng sinh cho nhóm Trục khuẩn Gram dương, dùng cho máy Vitek II. Mỗi thẻ chứa các kháng sinh chọn lọc ở các nồng độ khác nhau, được sấy khô với môi trường nuôi cấy vi sinh	100	Thẻ
34.3	Thẻ định danh nhóm trục khuẩn gram âm	Thẻ định danh trục khuẩn Gram âm sử dụng cho máy Vitek II. Thẻ gồm 47 thử nghiệm sinh hóa	100	Thẻ
34.4	Thẻ định danh nhóm vi khuẩn gram dương	Thẻ định danh Gram dương sử dụng với máy VITEK 2 để định danh các vi sinh vật Gram dương. Thẻ gồm 43 thử nghiệm sinh hóa	100	Thẻ
35	* Máy phân tích nước tiểu (Combilyzer 11 thông số - Human/Đức)			
35.1	Test thử nước tiểu 11 thông số	Sử dụng phù hợp cho máy Combilyzer 11-Human.	30.000	Test
36	* Máy phân tích miễn dịch tự động (Unicel DxI800 – Beckman Coulter/Mỹ)			
36.1	Cơ chất phát quang trong xét nghiệm miễn dịch	- Thành phần: Dung dịch đậm chứa dioxetane Lumigen PPD, chất huỳnh quang và chất hoạt tính bề mặt	13.520	ml
36.2	Chất chuẩn CA 125	Chất chuẩn của xét nghiệm định lượng CA 125	30	ml
36.3	Chất chuẩn CA 15-3	Chất chuẩn của xét nghiệm định lượng CA 15-3	18	ml
36.4	Chất chuẩn Free T4	Chất chuẩn của xét nghiệm định lượng T4 tự do	30	ml

36.5	Chất chuẩn hFSH	Chất chuẩn của xét nghiệm định lượng hFSH	24	ml
36.6	Chất chuẩn PAPP-A	Chất chuẩn của xét nghiệm định lượng PAPP-A	12	ml
36.7	Chất chuẩn Total βhCG (5th IS)	Chất chuẩn của xét nghiệm định lượng β hCG toàn phần	48	ml
36.8	Dung dịch kiểm tra hệ thống dùng cho máy phân tích miễn dịch	Thành phần: Phosphatase kiềm, albumin huyết thanh bò (BSA), ProClin 300, natri azit.	48	ml
36.9	Dung dịch rửa máy hàng ngày	Thành phần: KOH 1-5%	2	Lít
36.10	Định lượng CA 15-3	Phạm vi phân tích: 0,5–1.000 U/mL	100	Test
36.11	Định lượng Unconjugated Estriol	- Phạm vi phân tích: 0,017–6,9 ng/mL	100	Test
36.12	Định lượng hFSH	Phạm vi phân tích: 0,2–200 mIU/mL (IU/L)	1.000	Test
36.13	Chất chuẩn AFP	Chất chuẩn của xét nghiệm định lượng AFP	18	ml
36.14	Định lượng Total βhCG	Phạm vi phân tích: 0,6–1350 mIU/mL	8.000	Test
36.15	Giếng phản ứng	Chất liệu polypropylene, Dung tích tối đa 1ml	50.000	Cái
36.16	Chất chuẩn xét nghiệm định lượng T3	Chất chuẩn của xét nghiệm định lượng T3	48	ml
36.17	Chất chuẩn Unconjugated Estriol	Chất chuẩn của xét nghiệm định lượng estriol tự do	19	ml
36.18	Dung dịch rửa dùng cho dòng máy DXI	Thành phần: Dung dịch muối đệm TRIS, chất hoạt tính bề mặt	1.000.000	ml
36.19	Định lượng Free T4	Phạm vi phân tích: 0,25–6 ng/dL	1.500	Test
36.20	Chất chuẩn Sensitive Estradiol	Chất chuẩn của xét nghiệm định lượng estradiol	28	ml
36.21	Chất chuẩn hLH	Chất chuẩn của xét nghiệm định lượng hLH	48	ml

36.22	Chất chuẩn TSH	Chất chuẩn của xét nghiệm định lượng TSH	30	ml
36.23	Chất chuẩn Prolactin	Chất chuẩn của xét nghiệm định lượng prolactin	33	ml
36.24	Chất chuẩn Testosterone	Chất chuẩn của xét nghiệm định lượng testosterone	30	ml
36.25	Chất chuẩn Progesterone	Chất chuẩn của xét nghiệm định lượng progesterone	33	ml
36.26	Định lượng Sensitive Estradiol	Phạm vi phân tích: 15–5.200 pg/mL	1.200	Test
36.27	Định lượng hLH	Phạm vi phân tích: 0,2–250 mIU/mL	1.000	Test
36.28	Định lượng Prolactin	Phạm vi phân tích: 0,25–200 ng/mL	1.200	Test
36.29	Định lượng TESTOSTERONE	- Phạm vi phân tích: 0,1–16 ng/mL	1.000	Test
36.30	Định lượng Progesterone	Phạm vi phân tích: 0,1–40 ng/mL	1.200	Test
36.31	Định lượng AMH	Phạm vi phân tích: 0,02–24 ng/ML	1.200	Test
36.32	Chất chuẩn AMH	Chất chuẩn của xét nghiệm định lượng AMH	12	ml
36.33	Định lượng TSH	Phạm vi phân tích: 0,005–50 μ IU/mL	1.600	Test
37	* Máy xét nghiệm (Advia 1800; Advia Centuar CP; Dimension ExI 200 – Siemens/Nhật Bản			
37.1	Hóa chất kiểm soát xét nghiệm định lượng 6 thông số xét nghiệm sàng lọc trước sinh nồng độ thấp	Dạng đông khô, 100% huyết thanh người, kiểm chuẩn mức thấp các xét nghiệm sàng lọc trước sinh bao gồm thông số AFP, Free beta HCG, Inhibin A và PAPP-A, Total beta- HCG, Unconjugated Oestriol	6	ml
38	*Máy phân tích đông máu tự động (STA R-Max			
38.1	Cống phản ứng cho xét nghiệm đông máu	Cuvette bằng nhựa dùng một lần, có bi làm bằng thép không gỉ bên trong	30.000	Cái

38.2	Dung dịch Canxi Clorua cho các xét nghiệm đông máu	Dung dịch Canxi Clorua 0.025 M dùng cho các xét nghiệm đông máu như thời gian hoạt hóa thromboplastin từng phần (APTT) hay cho các phân tích các yếu tố con đường nội sinh	720	ml
38.3	Dung dịch đệm cho xét nghiệm đông máu	Dung dịch pha loãng cho xét nghiệm đông máu (dung dịch đệm)	720	ml
38.4	Dung dịch rửa kim dùng cho máy xét nghiệm đông máu	Hóa chất rửa kim hệ thống máy đông máu tự động, chứa potassium hydroxide	7.200	ml
38.5	Dung dịch rửa dùng cho máy xét nghiệm đông máu	Dung dịch rửa pha sẵn cho các hệ thống phân tích đông máu tự động.	135.000	ml
38.6	Hóa chất định lượng fibrinogen	Hóa chất định lượng Fibrinogen trong huyết tương bằng phương pháp Clauss	336	ml
38.7	Hóa chất thử đo thời gian Prothrombin (PT)	Hóa chất xét nghiệm PT trên máy đông máu tự động, chứa Thromboplastin chiết xuất từ não thỏ	1.380	ml
38.8	Hóa chất xác định thời gian Thrombin	Hóa chất xét nghiệm thời gian Thrombin. Chứa thrombin citrat canxi (người).	1.440	ml
38.9	Hóa chất xác định thời gian Thromboplastin hoạt hóa từng phần (APTT)	Hóa chất dùng để xác định thời gian thromboplastin hoạt hóa từng phần (APTT) trong huyết tương, chứa cephalin từ mô não thỏ, dung dịch đệm kaolin	1.140	ml
38.10	Các huyết tương chứng cho xét nghiệm đông máu	Huyết tương người bình thường và bất bình thường có citrated dạng đông khô; gồm hai mức nồng độ khác nhau của các chỉ số đông máu thường quy: PT, aPTT, TT, Fibrinogen, Antithrombin.	192	ml

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế:

- Địa điểm cung cấp: Bệnh viện Phụ sản Thanh Hóa – 183 Hải Thượng Lãn Ông – P. Quảng Thắng – TP. Thanh Hóa

- Yêu cầu về vận chuyển: Bên chào giá chịu trách nhiệm về vận chuyển đến địa điểm cung cấp. Cước phí vận chuyển được tính vào giá chào giá. Hàng được giao phải mới 100%, nguyên đai, nguyên kiện
- Yêu cầu về lắp đặt, bảo quản: Bên chào giá chịu trách nhiệm về việc lắp đặt và hướng dẫn bảo quản theo đúng tiêu chuẩn của nhà sản xuất
- 3. Thời gian giao hàng dự kiến: 1-15 ngày sau khi Chủ đầu tư gửi dự trù
- 4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:
 - Tạm ứng: không
 - Thanh toán hợp đồng: Chủ đầu tư thanh toán cho bên cung cấp từ 60-90 ngày sau khi nhận đầy đủ chứng từ hợp lệ theo quy định của pháp luật
- 5. Các thông tin khác (Nếu có)

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT; TC-KT; VT-TBYT.



GIÁM ĐỐC

Hoàng Văn Việt